

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ – ST
Ngày 06 tháng 9 năm 2024
“V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Khải

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Tố Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 135/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐXXST-HNGD ngày 20 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đàm Thị Thanh T, sinh năm 1993, (có mặt).

Địa chỉ: Phường DD, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Anh Dương Đức Ng, sinh năm 1988, (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường DD, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện anh Ng đang chấp hành án tại Trại giam Hồng Ca – Cục 10 – Bộ Công an, thuộc phân trại số 1, đội 41. Địa chỉ: Quốc Lộ 37, Hưng Khánh, thị trấn Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 3 năm 2024 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Đàm Thị Thanh T trình bày:

- Về tình cảm: Chị và anh Dương Đức Ng kết hôn ngày 26/4/2011 được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đồng Đa, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi

đến hôn nhân. Kết hôn xong chị về làm dâu và sống chung cùng gia đình anh Ng. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Ng chơi bời, lười lao động nên kinh tế của gia đình ngày càng khó khăn dẫn đến vợ chồng xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau. Do không thể tiếp tục sống cùng anh Ng nên chị phải thuê nhà cùng các con ra ở chỗ khác. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2019. Đến tháng 9 năm 2020 anh Ng vi phạm pháp luật, bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 27 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Anh Ng chấp hành án tại trại giam Vĩnh Quang, đến ngày 30/4/2022 thì anh Ng chấp hành xong án trở về địa phương. Sau khi anh Ng về có đến nói chuyện xin lỗi và hứa sẽ thay đổi thay đổi nên chị đã về ở cùng anh Ng được khoảng 10 ngày nhưng anh Ng vẫn tiếp tục chơi bời, nghiện hút nên chị lại phải thuê nhà chuyển ra ở chỗ khác. Sau đó đến tháng 02 năm 2023 anh Ng lại tiếp tục phạm tội và bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên xét xử vào tháng 6/2023 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn 02 năm 06 tháng tù. Hiện tại anh Ng phải chấp hành án tại phân trại số 1, đội 41 thuộc trại Giam Hồng Ca – Bộ Công an; Địa chỉ: Quốc Lộ 37, Hưng Khánh, thị trấn Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Từ khi anh Ng đi chấp hành án tại trại Giam Hồng Ca chị không đi thăm anh Ng một lần nào.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân nhau một thời gian dài không còn quan tâm và hoàn toàn bỏ mặc nhau trong cuộc sống nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ng để chị có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

- *Về con chung*: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Dương Thanh Ch1, sinh ngày 11/01/2014 và cháu Dương Quê Ch2, sinh ngày 06/4/2017. Hiện các cháu đang ở với chị. Ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, các khoản vay, cho vay chung của vợ chồng*: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Dương Đức Ng vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án anh Ng trình bày:**

Anh thừa nhận về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, mâu thuẫn vợ chồng và con chung như lời trình bày của chị T là đúng.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải

nhưng không được. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

- *Về con chung*: Anh thừa nhận anh và chị T có 02 con chung là Dương Thanh Ch1, sinh ngày 11/01/2014 và Dương Quế Ch2, sinh ngày 06/4/2017. Hiện các con đang ở với chị T. Do anh đang chấp hành án tại trại giam Hồng Ca – Bộ công An đóng tại tỉnh Yên Bái nên anh đề nghị để chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 cả hai con chung. Khi nào chấp hành án xong anh sẽ đề nghị Tòa giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, các khoản vay, cho vay chung của vợ chồng*: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử.

+ Về hôn nhân: Cho chị Đàm Thị Thanh T được ly hôn anh Dương Đức Ng.

+ Về con chung: Giao cho chị Đàm Thị Thanh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Thanh Ch1, sinh ngày 11/01/2014 và cháu Dương Quế Ch2, sinh ngày 06/4/2017. Anh Ng không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

+ Về án phí sơ thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Dương Đức Ng tuy nhiên hiện nay anh Ng đang chấp hành án tại Trại giam Hồng Ca thuộc tỉnh Yên Bái và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Đàm Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Dương Đức Ng có hộ khẩu thường trú tại: Phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tú và anh Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 24/6/2011 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương nơi chị T và anh Ng cư trú thể hiện: Chị Đàm Thị Thanh T và anh Dương Đức Ng đăng ký kết hôn ngày 24/6/2011 tại Ủy ban nhân dân phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Địa phương xác nhận quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh Ng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Ng nghiện ma túy, hay chơi bời, tụ tập không chịu lao động làm cho kinh tế của gia đình gặp khó khăn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng với nhau.

Anh Ng và chị T đã sống ly thân từ khoảng giữa năm 2019. Theo địa phương được biết năm 2020 anh Ng bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Sau khi được trở về địa phương thì anh Ng không cố gắng thay đổi và đến đầu năm 2023 tiếp tục bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên xử phạt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hiện anh Ng đang chấp hành án tại Trại giam Hồng Ca – Bộ công an đóng tại tỉnh Yên Bái.

Thời gian sinh sống ở địa phương thì anh Ng không có nghề nghiệp ổn định, chị T làm nghề tự do. Anh chị có hai con chung là cháu Dương Thanh Ch1, sinh ngày 11/01/2014 và cháu Dương Quế Ch2, sinh ngày 06/4/2017. Hiện các cháu đang ở cùng chị T tại phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nay chị T làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy: Việc chị T làm đơn xin ly hôn anh Ng vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được. Từ giữa năm 2019 đến nay anh chị đã sống ly thân, từ khi anh Ng đi chấp hành án của bản án xét xử năm 2023, chị T không đi thăm hay có trách nhiệm gì đối với anh Ng. Quá trình giải quyết vụ án anh Ng đồng ý ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Ng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh Ng.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị T, anh Ng có 02 con chung là cháu Dương Thanh Ch1, sinh ngày 11/01/2014 và cháu Dương Quế Ch2, sinh ngày 06/4/2017. Hiện tại cả hai cháu đang ở với chị T.

Ly hôn chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu, chị không yêu cầu anh Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh Ng có ý kiến đề nghị Tòa án giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 cháu cho đến khi anh chấp hành án xong, anh sẽ đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Thấy rằng: Theo quy định của pháp luật khi quyết định giao con cho một người chăm sóc, nuôi dưỡng phải xem xét đến điều kiện thực tế, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con để quyết định giao cho bố hoặc mẹ. Hiện anh Ng đang chấp hành án tại phân trại số 1, đội 41 thuộc Trại Giam Hồng Ca – Bộ Công an; Địa chỉ: Quốc Lộ 37, Hưng Khánh, thị trấn Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Cháu Ch1 và cháu Ch2 hiện tại đang ở với chị T. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2024, cả cháu Ch1 và Chị đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Do vậy cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Thanh Ch1 và Dương Quế Ch2, anh Ng không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Chị T và anh Ng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Tú phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử.

1. Về hôn nhân: Cho chị Đàm Thị Thanh T được ly hôn anh Dương Đức Ng.

2. Về con chung: Giao cho chị Đàm Thị Thanh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Thanh Ch1, sinh ngày 11/01/2014

và cháu Dương Quế Ch2, sinh ngày 06/4/2017. Anh Ng không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Đàm Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0005929 ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự;
- UBND phường Đồng Đa, TP Vĩnh Yên (ĐKKH ngày 26/4/20110;;
- Lưu HSV A; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang Nhung

